

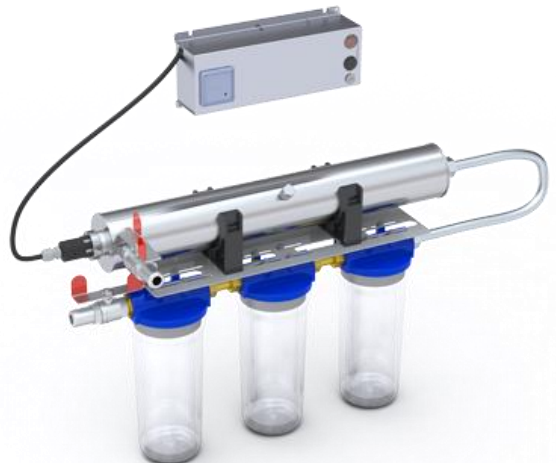


CLEARWATER VIETNAM CO., LTD.

...nước sạch mang lại giá trị và sự khỏe mạnh



CATALOGUE SẢN PHẨM



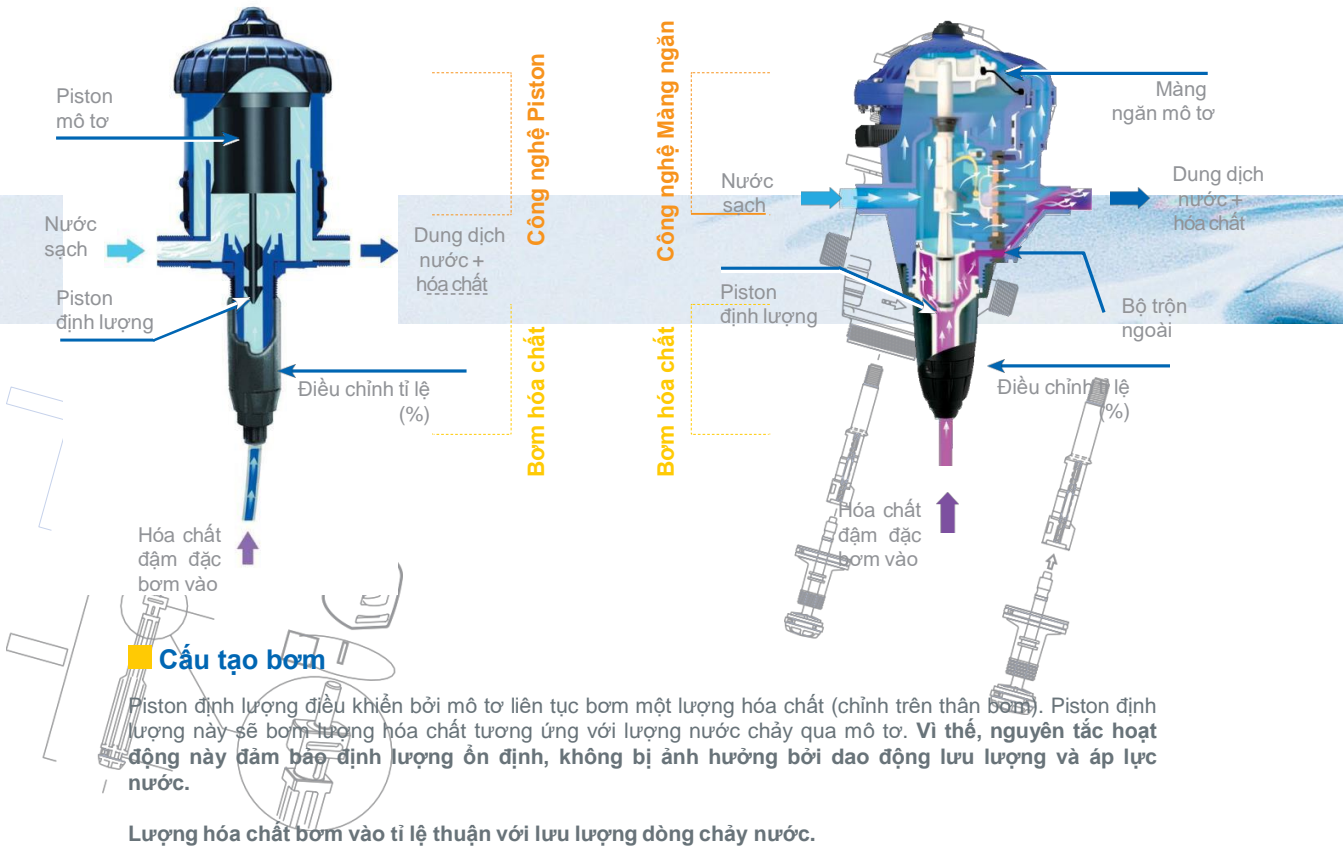
Công nghệ DOSATRON

Công nghệ Dosatron dựa trên một **bơm mô tơ thủy lực kích hoạt bởi áp lực và dòng chảy của nước**. Được lắp đặt trực tiếp trên đường ống nước, bơm Dosatron hoạt động bằng nguồn năng lượng đến từ **dòng chảy của nước**. Áp lực và dòng chảy của nước phát động piston mô tơ, qua đó vận hành piston định lượng. Hóa chất được bơm vào và trộn liên tục với nước từ nguồn cung chính theo tỉ lệ % chính xác (tỉ lệ hóa chất/nước). Lượng hóa chất đậm đặc bơm vào tỉ lệ thuận tuyệt đối với thể tích nước chảy qua thân bơm. Dosatron, không bị ảnh hưởng bởi dao động lưu lượng và áp suất từ nguồn nước chính.

■ Mô tơ thủy lực: Công nghệ Piston hoặc Màng ngăn

Piston mô tơ hoặc màng ngăn chuyển động dưới áp lực nước. Hệ thống các van hoặc thanh trượt cho phép chuyển động này nghịch hướng. Mỗi chu kỳ piston hoặc màng ngăn tương ứng với lượng nước định sẵn chảy qua thân bơm (thể tích mô tơ). Tốc độ mô tơ thay đổi theo tỉ lệ với dòng chảy của nước.

Bơm định lượng này còn được gọi là bơm theo thể tích.



ĐỊNH LƯỢNG TỈ LỆ KHÔNG CHẠY ĐIỆN

Công nghệ Dosatron dựa trên một mô tơ thủy lực chỉ được kích hoạt bởi áp lực và dòng chảy của nước.

CHĂN NUÔI

CẤP THUỐC QUA NƯỚC UỐNG

DOSATRON đáp ứng nhu cầu

Cho thuốc uống dạng bột hoặc lỏng ◀

Cho lợn sau cai sữa và xuất chuồng ◀

Chuồng lên đến 4000 con ◀

Cho lưu lượng từ 4.5 l/h (1 nút uống) đến 20 m³/h ◀

Cho áp lực nước từ 0.15 bar (cao 1.5 m) đến 10 bar ◀

CẤP VACXIN QUA NƯỚC UỐNG

DOSATRON đáp ứng nhu cầu

Cho lợn sau cai sữa ◀

Cho chuồng từ trên 4000 con lợn ◀

Cho lưu lượng từ 4.5 l/h (1 nút uống) đến 20 m³/h ◀

Cho áp lực nước từ 0.15 bar (cao 1.5 m) đến 10 bar ◀

ĐIỀU CHỈNH pH NƯỚC UỐNG

DOSATRON đáp ứng nhu cầu

Cho lợn sau cai sữa ◀

Cho chuồng từ trên 4000 con lợn ◀

Cho lưu lượng từ 4.5 l/h đến 8 m³/h ◀

Cho áp lực nước từ 0.15 bar (cao 1.5 m) đến 8 bar ◀



TRỒNG TRỌT



TRỒNG TRỌT RAU CỦ QUẢ

DOSATRON đáp ứng nhu cầu

Bón phân, bảo vệ vụ mùa, điều chỉnh pH ◀

Ngoài đồng, trong nhà kính, hầm lạnh, trồng trọt không đất ◀

Tưới nhỏ giọt, phun sương, phun nước ◀

Cho lưu lượng từ 10 - 30 000 l/h ◀

Cho áp lực nước từ 0.12 - 10 bar ◀

CHĂM SÓC NHÀ KÍNH

DOSATRON đáp ứng nhu cầu

Bón phân, trị liệu, trừ sâu dạng sương, điều chỉnh pH ◀

Nhà kính, hầm lạnh, ngoài đồng ◀

Tưới nhỏ giọt, phun sương, phun nước, phun điện rộng ◀

Cho lưu lượng từ 10 - 30 000 l/h ◀

Cho áp lực nước từ 0.12 - 10 bar ◀

CANH TÁC MÙA VỤ

DOSATRON đáp ứng nhu cầu

Trị liệu điểm, giảm pH, tưới chất phụ gia ◀

Ngoài đồng ◀

Tưới nhỏ giọt, phun nước, điểm tựa, hệ thống dẫn ◀

Cho lưu lượng từ 10 - 30 000 l/h ◀

Cho áp lực nước từ 0.12 - 10 bar ◀

CẢNH QUAN

DOSATRON đáp ứng nhu cầu

Dinh dưỡng, trị liệu, diệt cỏ dại ◀

Cảnh quan, đất mặt, tường xanh hóa, mái xanh hóa ◀

Tưới nhỏ giọt, tưới tích hợp ◀

Cho lưu lượng từ 10 - 30 000 l/h ◀

Cho áp lực nước từ 0.12 - 10 bar ◀

XỬ LÝ NƯỚC



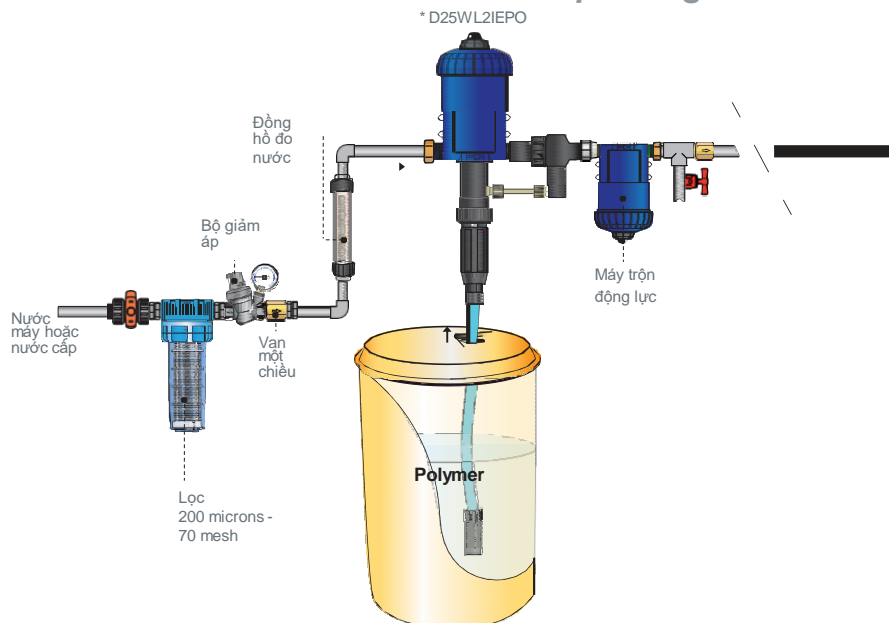
KHỬ TRÙNG CHLORINE

- DOSATRON đáp ứng nhu cầu
Tinh lọc không dùng điện
cho vùng nông thôn hoặc khẩn cấp ◀
- Lượng nước hàng ngày từ 1 m³ - 300 m³ ◀
- Cho lưu lượng từ 1 m³/h - 100 m³/h ◀
- Cho áp lực nước từ 0.5 - 10 bar ◀



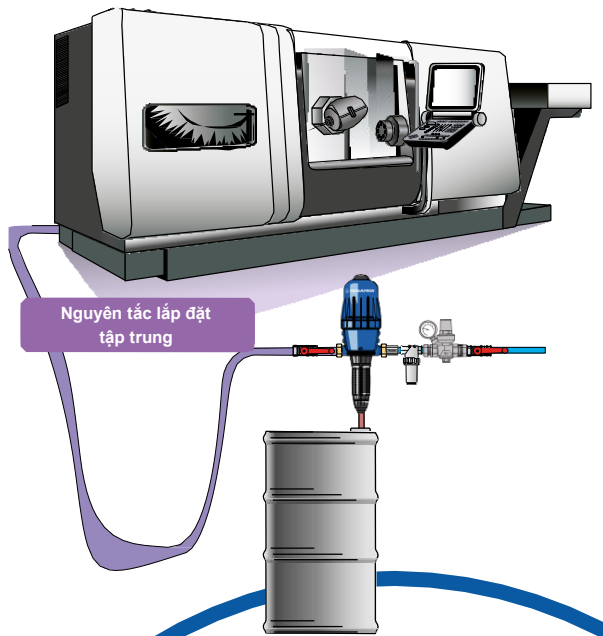
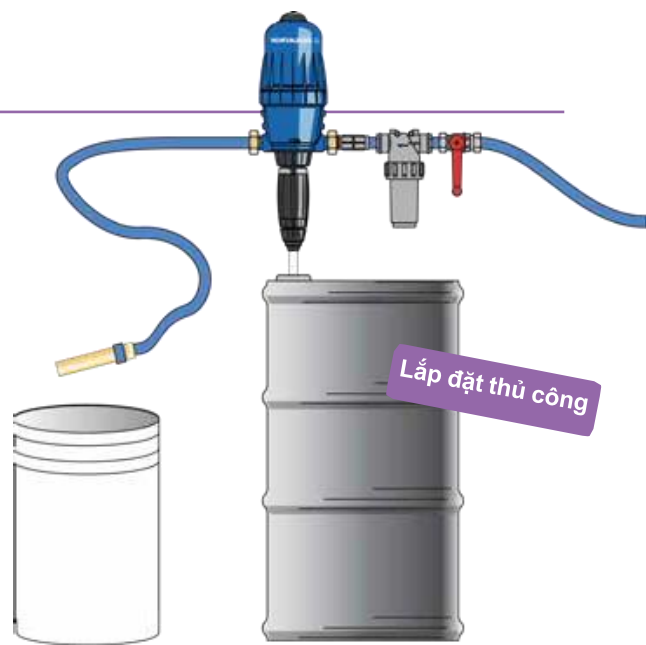
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

- DOSATRON đáp ứng nhu cầu
Pha chế polymer dạng lỏng ◀
- Khử nước Bùn thải*
- Tạo bông Nước thải*



CÔNG NGHIỆP

- + Làm mát, bôi trơn và bảo vệ.
- + Tăng tuổi thọ dụng cụ.
- + Giảm tiêu thụ năng lượng.
- + Cải thiện hiệu suất máy móc.
- + Kéo dài thời gian tắm hóa chất xử lý bề mặt.
- + Dễ dàng lắp đặt, vận hành và bảo quản (không có nguy cơ về điện).



ỨNG DỤNG KHÁC

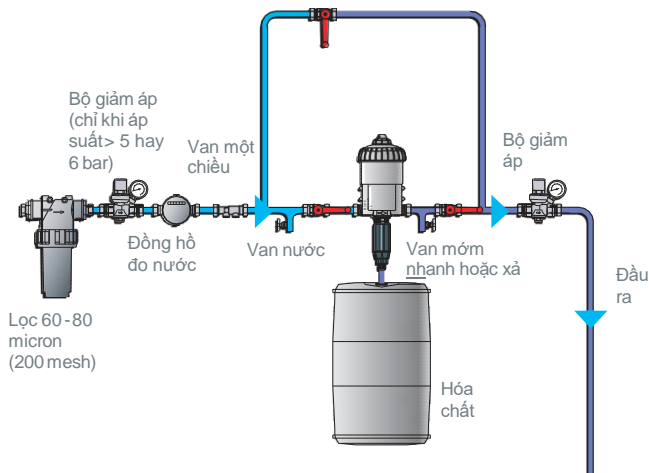
- Đúc khuôn
- Mài đĩa
- Gia công tia nước (định lượng polymer)
- Khử dầu và làm sạch linh kiện
- Xử lý bề mặt
- Lưu hóa...

Options: Nhiều dòng bơm định lượng và nhiều lựa chọn option (lưu lượng cao, bơm vi lượng, chất liệu chống chịu hóa chất,...) hoàn toàn đáp ứng được tất cả các nhu cầu của bạn.

- (VF)** Ron cho acids, dầu, hợp chất kiểm soát mùi.....
- (AF)** Ron cho chất kiềm.
- (K)** Ron cho acid đặc (> 15 %) – kết hợp PVDF.
- (BP)** (Bypass tích hợp) hệ thống chỉnh tay kích hoạt hút hóa chất ở chế độ bật/tắt.
- (PVDF)** Chất liệu cho acid đậm đặc và các hóa chất ăn mòn khác.
- (V)** Dành cho chất có độ nhớt cao trên 200 hoặc 400 cPs (tùy model).
- (IE)** Trộn ngoài thân bơm.



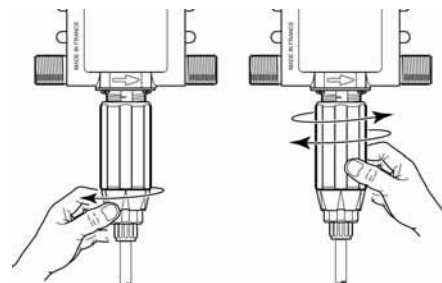
Hướng dẫn lắp đặt



ƯU ĐIỂM DOSATRON

- Chạy thủy lực, theo thể tích, không dùng điện.
- Trộn định lượng tỉ lệ với lưu lượng nước.
- Khả năng định lượng lặp lại và chất lượng dung dịch sản phẩm tuyệt vời.
- Dung dịch trộn được đưa theo dòng chảy.
- Dễ dàng căn chỉnh tỉ lệ định lượng.
- Tự mớm hóa chất lên đến 4m.

Điều chỉnh tỉ lệ bơm



Thị trường

Môi trường – Vệ sinh – Xử lý nước – Rửa xe – Gia công kim loại – Xử lý thực phẩm – Nghệ thuật – Làm vườn – Chăn nuôi...

Ứng dụng chính

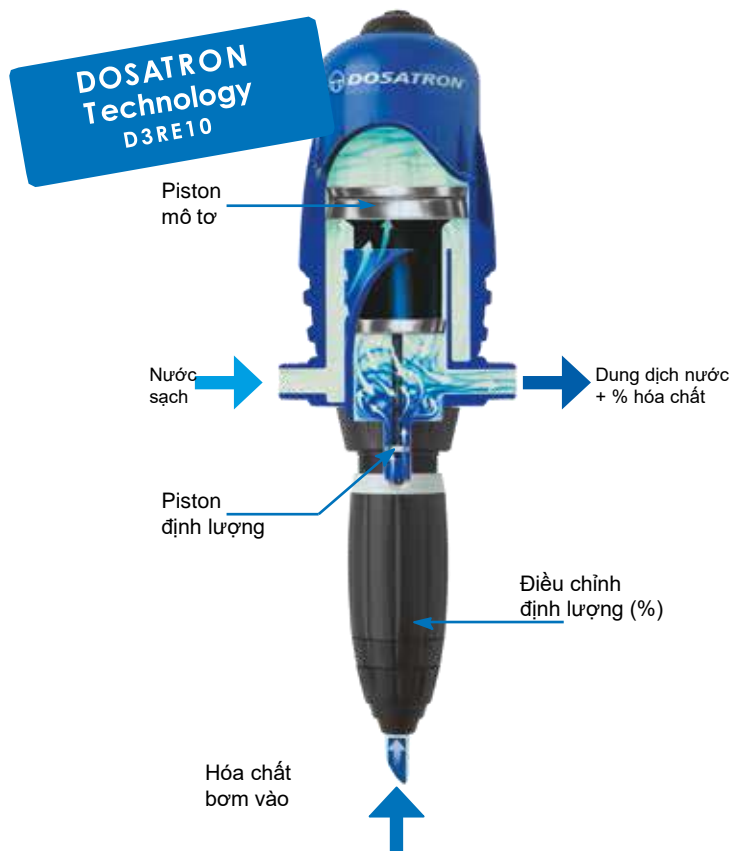
Y tế - Khử trùng – Vệ sinh – Bón phân – Kiểm soát dịch – Phụ gia – Bôi trơn – Căn chỉnh PH/TH – Tiêu độc – Tạo bông – Rửa xe...

Lắp đặt

Quy định: Kiểm tra quy định về nước tại địa phương trước khi lắp đặt bơm Dosatron.

Để tối ưu hóa bơm Dosatron, chúng tôi khuyên:

- Lắp bộ lọc đầu vào, tùy theo chất lượng nước của bạn (thường dùng loại 80 micron).
- Thay ron ít nhất một lần trong năm.
- Súc rửa thường xuyên bằng nước sạch.
- Đóng nguồn nước và cho phép áp lực nước về 0 trước khi chỉnh tỉ lệ.
- Lắp đặt bảo vệ cần thiết cho lưu lượng, áp suất vượt ngưỡng và búa nước (thiết bị chống búa nước áp lực/dòng chảy).
- Nên lắp van chống hút ngược ở đầu ra bơm khi lắp đặt trong trường hợp có nguy cơ hút ngược.
- Lắp bơm Dosatron trên đường ống bypass toàn phần. Xin liên hệ chúng tôi để được tư vấn thêm.



SỰ KHÁC BIỆT GIỮA CÁC DÒNG RE, GL VÀ WL

Có rất ít sự khác biệt giữa dòng RE và dòng GL, do chất liệu và thông số kỹ thuật của 2 mẫu này hoàn toàn giống nhau.

Ví dụ: So sánh D25RE2VF và D25GL2

Model	Định lượng	Lưu lượng	Áp suất	Phụ kiện
D3RE2	0.2 – 2 %	10 – 3000 L/h	0.3 – 6 bar	Ron VF
D3GL2	0.2 – 2 %	10 – 3000 L/h	0.3 – 6 bar	Ron VF
D3WL2	0.2 – 2 %	10 – 3000 L/h	0.3 – 6 bar	Ron AF

Nhìn bên trên, hoàn toàn không thấy được sự khác biệt về thông số kỹ thuật. Ngoài ra, giá bán của 2 dòng RE và GL cũng như nhau, đôi khi dòng GL còn rẻ hơn dòng RE tương ứng. Vậy sự khác biệt chính là gì?

- Dòng GL được thiết kế để sử dụng ngoài trời, do đó vỏ của dòng này được sơn xanh lá cây để chống chịu ánh nắng và tia UV tốt hơn, khó phai màu hơn hẳn so với dòng RE truyền thống.
- Dòng GL có một nhược điểm là bị cố định với phụ kiện ron VF dùng cho pH của chất lỏng và hóa chất loại thường từ 3 – 8. Điều này không có ý nghĩa nhiều khi bạn sử dụng các chất bình thường khi trộn trong nước như là thuốc, vacxin, phân dinh dưỡng và nhiều loại hóa chất trung tính. Tuy nhiên, khi có yêu cầu đặc biệt về hóa chất như là pH cao (>8), hóa chất có tính ăn mòn hay pH cực đoạn (<3) thì dòng RE có thể tùy biến bằng cách kèm theo bộ trộn ngoài IE hay cường lực chất liệu bơm bằng nhựa PVDF để tăng độ chống chịu hóa học cũng như tuổi thọ sản phẩm. Đây là những trường hợp phổ biến khi mà dòng RE có ưu thế hơn hẳn dòng GL, đó là về mặt tùy biến.
- Tuy nhiên, khi không cần những tùy biến này thì cả 2 dòng GL hay RE đều phù hợp với nhu cầu của bạn. Trong nhiều trường hợp, vì bị loại bỏ khả năng tùy biến nên GL hay có giá thấp hơn dòng RE, và sẽ phù hợp với khả năng tài chính của nhiều đối tượng khách hàng hơn.

Còn đối với dòng WL, dòng này thường được dùng cho 2 mục đích chính là xử lý nước và sát trùng. Chất liệu của dòng WL được đặc chế riêng để chống chịu sự ăn mòn của clo hay chất sát trùng khá tốt (tất nhiên vẫn thua kém đôi chút so với chất liệu PVDF). Do đó, khi dùng với mục đích xử lý nước bằng clo hay sát trùng bằng i-ốt thì WL nên là lựa chọn ưu tiên để cân bằng giữa giá cả và độ bền sản phẩm. Ngoài ra, dòng WL cũng được tinh chỉnh tốt hơn các dòng RE và GL khi đưa sai số định lượng về dưới 2%. Điều này cũng dẫn đến giá thành của dòng WL đắt hơn đôi chút so với 2 dòng còn lại.



D 3 R E 2



D 3 G L 2



D 3 W L 2

Thông số kỹ thuật

0.7 m³/h

Khoảng định lượng > 2 dòng

COMPACT
D 07 RE 125

tỉ lệ định lượng

0.15 - 1.25 %
[1 : 666 - 1 : 80]

COMPACT
D 07 RE 5

0.8 - 5.5 %
[1 : 128 - 1 : 18]



COMPACT
D 07 RE 125



COMPACT
D 07 RE 125 PVDF



COMPACT
D 07 RE 5



COMPACT
D 07 RE 5 PVDF

Lưu lượng nước*

5 - 700 l/h
[2.8 FI oz/min - 3 US GPM]

Áp suất vận hành

0.3 - 6 bar [4.3 - 85 PSI]

Bơm chất đậm đặc

■ D 07 RE 125

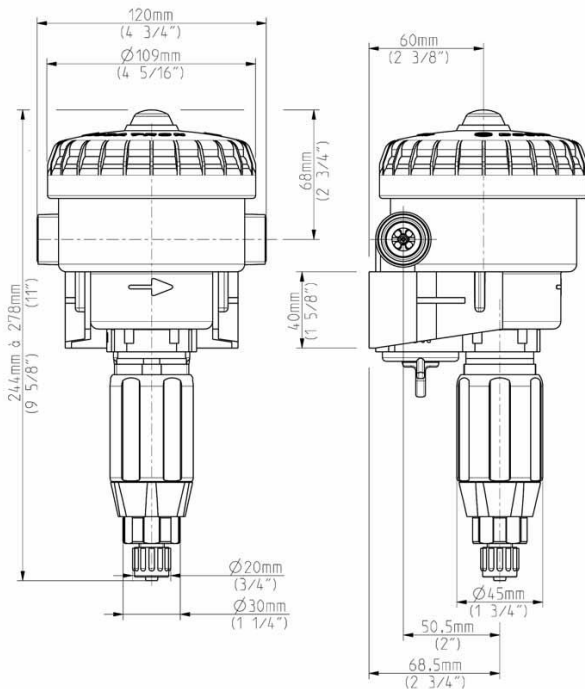
0.0075 - 8.75
l/h
[0.0042 - 4.93]
US FI oz/min

■ D 07 RE 5

0.04 - 38.5
l/h
[0.0225 - 21.8]
US FI oz/min

*Nếu chất lỏng không phải nước, xin liên hệ chúng tôi.

Kích thước



Cơ chế bơm

Tỉ lệ thuận, không dùng điện

Nguồn năng lượng

Dòng chảy và áp lực nước

Quy cách đóng gói

- 1 Compact Dosatron
- 1 giá treo tường
- 1 ống hút trong suốt dài 175 cm [69"], Ø 6 x 9 mm [1/4" id x 3/8" od]
- 1 sách hướng dẫn

Vật liệu tiêu chuẩn

Vỏ: polypropylene, EPDM

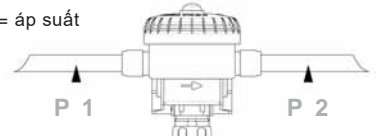
Piston mô tơ : polypropylene, peek, thép không gỉ, teflon, EPDM HT

Khoang bơm: polypropylene, polyethylene, hastelloy (lò xo van chặn)

Ống bơm: PVC

Chú ý: bơm Dosatron Compact được trang bị van bảo hiểm sẽ mở và để nước chảy qua khi mô tơ dừng hoạt động đột xuất. Hệ thống bypass bảo hiểm khi chênh lệch áp suất 2 đầu lớn hơn 1.5 bar.

P = áp suất



P 1 - P 2 1.5 bar [21 PSI]

Option kèm theo

■ : option ● : tiêu chuẩn ★ : không có cho dòng này

Tương thích tối ưu

- AF: Ron khuyên dùng cho chất kiềm
- VF: Ron khuyên dùng cho chất acid
- Ống hút: Ống và sàng lọc chất liệu đặc biệt

Lắp đặt tối ưu

■ BP : bypass tích hợp



■ Linh kiện khác: liên hệ

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

- Tỷ lệ bơm: **0.07 – 10 %**
 [1 : 1500 - 1 : 10]
 - Lưu lượng nước*: **10 l/h - 2.5 m³/h****
 [0.16 l/mn - 41.66 l/mn]
 [1/3 US Pint/min - 11 US GPM]
 - Áp suất vận hành: **0.3 - 6bar****
 [4.3 PSI - 85 PSI]
 - Bơm chất đậm đặc: **0.007 - 200l/h**
 [0.004 US Floz/min - 0.88 US GPM]
- *Nếu chất lỏng không phải nước, xin liên hệ chúng tôi
 **D 25 RE 10: tối đa 2 m³/h, 4 bar

2.5

m³/h

Vật liệu tiêu chuẩn

Chất liệu: polyacetal, HT
 Piston mô tơ: polypropylene, polyamide, thép không gỉ, VF hoặc HT, polyacetal
 Khoang bơm: polypropylene, polyethylene, hastelloy (lò xo van chặn)
 Ống bơm: PVC

Option kèm theo

(■ : Option ● : Tiêu chuẩn ★ : không có/không cần thiết cho dòng này)

Tương thích tối ưu

- AF: Ron khuyên dùng cho hóa chất có độ kiềm cao
- VF: Ron khuyên dùng cho acid, dầu, chất kiểm soát mùi và côn trùng
- PVDF: Hóa chất ăn mòn, acid đặc
- H: Giác hút Hastelloy
- IE: Trộn ngoài bơm
- V: Độ nhớt cao
- Ống hút: Ống và sàng lọc chất liệu đặc biệt

Lắp đặt tối ưu

- BP: bypass tích hợp
- ★ Đầu nối khác
- Đai
- Linh kiện khác: liên hệ chúng tôi

Quy cách đóng gói:

- 1 bơm Dosatron, 1 giá treo,
- 1 ống hút 175 cm [69"],
- 1 sách hướng dẫn



D 25 AL 5 N



S D25 AL 5



D 25 RE 10 IE



D 25 RE 10 PVDF



D 25 RE 10 IE PVDF



D 25 GL 2



D 25 RE 09



D 25 WL 2 IE PO PVDF



D 25 WL 2 IE PO



D 25 WL 2 IE PO + PU1



D 25 RE 09 PVDF / AO

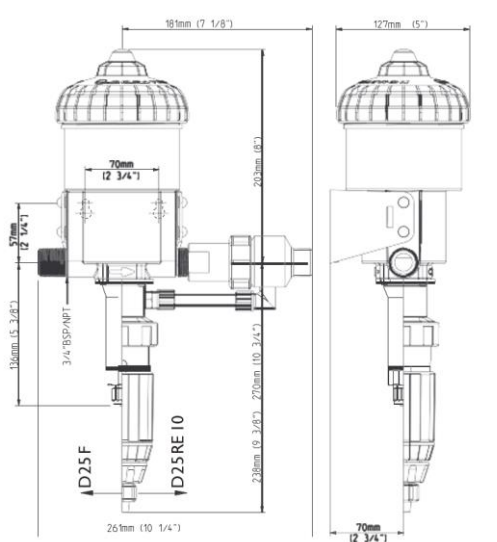


D 25 RE 1500

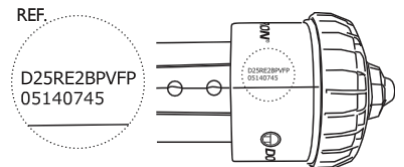


D 25 RE 1500 PVDF

Kích thước



MÃ SỐ	TỶ LỆ	ÁP SUẤT
ĐIỀU CHỈNH NGOÀI		
D25 RE 1500	0.07 - 0.2%	0.3 - 6 bar
D25 RE 09	0.1 - 0.9%	0.3 - 6 bar
D25 RE/GL 2/IE	0.2 - 2%	0.3 - 6 bar
D25 RE/AL 5/IE	1 - 5%	0.3 - 6 bar
D25 RE 10/IE*	3 - 10%	0.3 - 4 bar
D25 WL 2 IE PO	0.2 - 2%	0.3 - 6 bar
2 m³/h tối đa		





The **NEW**
standard

D25+
care

▶ **Tương thích với thực phẩm**

CE n°1935/2004
CE n°2023/2006.



▶ **Sẵn sàng cho SmartDosing**

Tương thích với giải pháp SmartDosing, một sáng kiến của Dosatron.

▶ **Tăng cường chống chịu hóa chất**

đối với phần lớn các trị liệu đường uống thường dùng chăm sóc sức khỏe vật nuôi.

▶ **Hệ thống khóa và chốt nhanh**

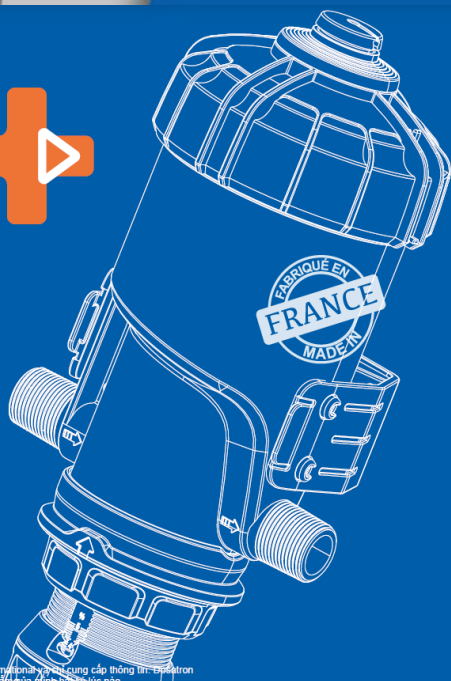
Hệ thống đã cấp bằng sáng chế.
Dễ điều chỉnh và khóa tỉ lệ trộn.
Để bảo trì linh kiện và ron (không cần dụng cụ).

▶ **Căn chỉnh từ 1% đến 5%**

Có khả năng căn chỉnh trên 5% và dưới 1% theo định nghĩa bởi nhiều tiêu chuẩn và chứng nhận sức khỏe vật nuôi.



D25+
care



D25AL5N

Lưu lượng vận hành:

10L/h mini - 2,5m³/h maxi
(1/3US Pint/min - 11USGPM)

Nhiệt độ vận hành tối đa:

40 °C [104 °F]

Áp suất vận hành:

Bar 0,30 - 6
PSI 4,3 - 85

Tỉ lệ trộn

% 1 - 5
Tỉ lệ 1:100 - 1:20

Bom chất đậm đặc:

Mini L/h - Maxi L/h 0,1 - 125
US Fl. Oz/min - mini 0,056
US GPM - Maxi 0,55

Đầu nối (NPT/BSP gaz male)

Ø 20 x 27 mm (3/4")

Công suất mô tơ thủy lực (cho mỗi 2 clicks trong piston):
Tương đương 0,45L (0,118 US Gallons)

www.dosatron.com



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

- Tỉ lệ bơm: 1 - 4 %*
[1 : 100 - 1 : 25]
- Lưu lượng nước**:
4.5 l/h - 2.5 m³/h
[0.075 l/mn - 41.66 l/mn]
[2/3 US Pint/min - 11 US GPM]
- Áp suất vận hành: 0.15 - 5.5 bar*
[2.2 PSI - 80 PSI]
- Bơm chất đậm đặc: 0.045 - 100 l/h*
[0.026 Fl.oz/min - 0.36 US GPM]

*Tùy từng dòng bơm

** Nếu chất lỏng không phải nước, xin liên hệ chúng tôi



DIA 4 AL VF

Quy cách đóng gói:

1 bơm Dosatron, 1 giá treo,
1 ống hút, 1 sách hướng dẫn

Tạo ra nhiều giá trị hơn với DIA!!!

- Tỉ lệ trộn 1 - 4%. Pha trộn tốt và tránh tắc nghẽn tốt.
- DIA dùng phương pháp chỉnh tỉ lệ trộn mới, tránh sai sót.
- DIA tích hợp bypass ngay trong bơm, dễ dàng ngừng hóa chất bơm vào nhưng không ngừng dòng chảy.
- DIA tích hợp trộn ngoài ngay trong bơm, tránh hóa chất tiếp xúc trực tiếp với linh kiện trong mô tơ nhằm tăng tuổi thọ.
- Bơm Dosatron mạnh nhất. Chống chịu nước cứng và nhiều cặn, cát rất tốt.
- Chịu được nước pH thấp đến 1 và các hóa chất ăn mòn khác.
- Hoạt động được ở áp lực rất thấp và lưu lượng đến 2500L/h. Chỉ 1 con gà uống nước cũng làm bơm hoạt động.
- Cấu tạo đơn giản hơn, ít hỏng vặt, qua đó giảm chi phí bảo trì về lâu dài.
- Cấu tạo màng ngăn giảm ma sát, kéo dài tuổi thọ lên đến 10-12 năm, kể cả khi hoạt động 24/7 ở lưu lượng tối đa.
- Chống chịu nước cứng và nước có cặn tốt, do chất liệu được đặc chế.

2.5

m³/h

Vật liệu tiêu chuẩn

Vỏ: polypropylene đặc chế, HT
Mô tơ màng ngăn: polypropylene, polyamide, polyethylene, HT, sứ, peek, PVDF

Khoang bơm: polypropylene, polyethylene, hastelloy (lò xo van chặn), PVDF

Ống bơm: PVC

Option kèm theo

(■: Option ●: Tiêu chuẩn ★: không có/không cần thiết cho dòng này)

Tương thích tối ưu

★AF: Ron khuyên dùng cho hóa chất có độ kiềm cao

●VF: Ron khuyên dùng cho acid, dầu, chất kiểm soát mùi và côn trùng

★K: cho acid đặc (> 15%)

★II: Bộ trộn trong

■V: Bộ dành cho độ nhớt cao

■Ống hút: Ống và sàng lọc chất liệu đặc biệt

Lắp đặt tối ưu

●BP: bypass tích hợp

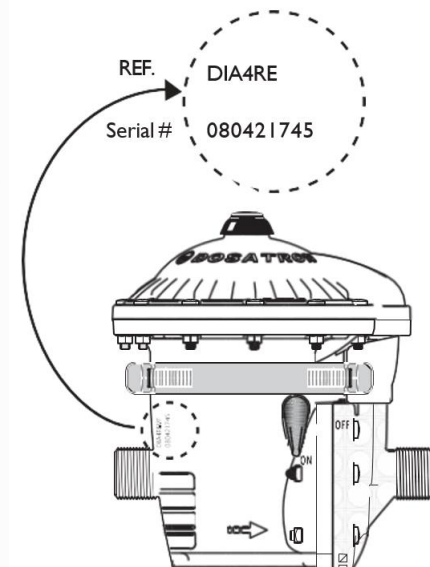
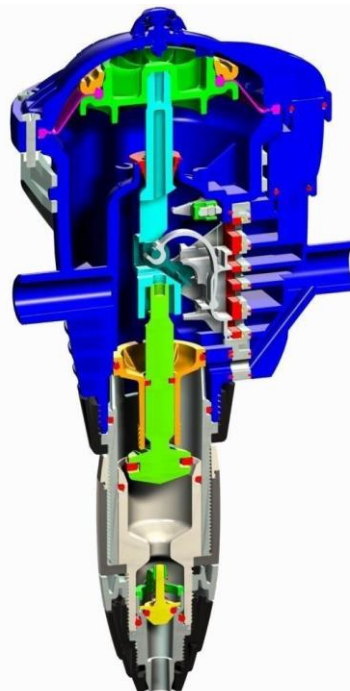
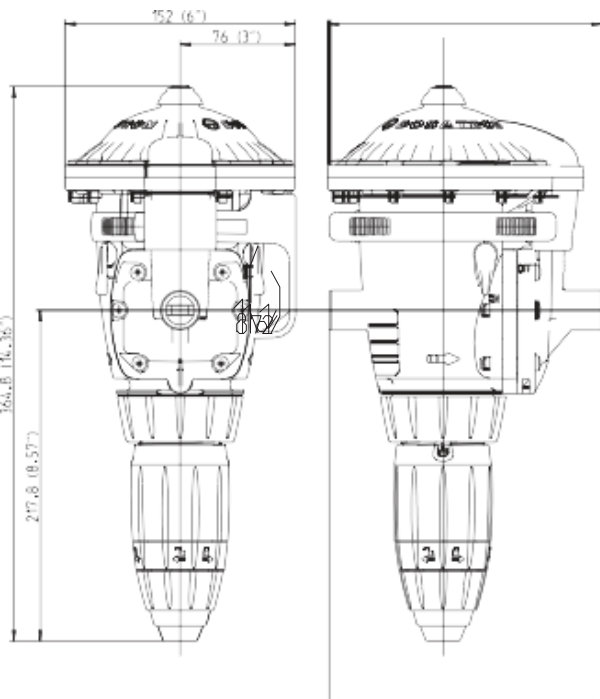
★Đầu nổi khác

●Đai

■Linh kiện khác: liên hệ chúng tôi



Kích thước



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Tỉ lệ bơm:

0.03 - 25%*
[1 : 3000 - 1 : 4]

Lưu lượng nước**:

10 l/h - 3 m³/h
[0.16 l/mn - 50 l/mn]
[1/3 US Pint/min - 14 US GPM]

Áp suất vận hành:

0.3 - 6 bar*
[4.3 PSI - 85 PSI]

Bơm chất đậm đặc:

0.003 - 300 l/h*
[0.017 Fl. oz/min - 1.4 US GPM]

*Tùy từng dòng bơm

**Nếu chất lỏng không phải nước, xin liên hệ chúng tôi

Quy cách đóng gói:

1 bơm Dosatron, 1 giá treo,
1 ống hút, 1 sách hướng dẫn



D 3 GL 2



D 3 GL 2 BP



D 3 GL 5



D 3 GL 5 BP



D 3 GL 10



D 3 GL 10 BP



D 3 GL 3000



D 3 GL 3000 BP



D 3 RE 2



D 3 RE 2 BP PVDF



D 3 RE 2 BP



D 3 RE 5



D 3 RE 5 BP PVDF



D 3 RE 5 BP



D 3 RE 10



D 3 RE 10 BP PVDF



D 3 RE 10 PVDF



D 3 RE 25 IE



D 3 RE 25 IE PVDF



D 3 RE 3000



D 3 RE 3000 BP



D 3 RE 3000 BP PVDF



D 3 RE 3000 PVDF



D 3 WL 2



D 3 WL 2 ACS / NSF



D 3 WL 2 PVDF



D 3 WL 3000



D 3 WL 3000 ACS / NSF



D 3 WL 3000 IE



D 3 WL 3000 IE ACS / NSF



D 3 WL 3000 PVDF

Vật liệu tiêu chuẩn

Chất liệu : polypropylene đặc chế, HT

Piston mô tơ: polypropylene, polyamide, VF hoặc HT, peek, PVDF

Khoang bơm: polypropylene, polyethylene, hastelloy (lò xo van chặn)

Ống bơm: PVC hoặc polyethylene

Option kèm theo

(■ : Option ● : Tiêu chuẩn ★ : không có/không cần thiết cho dòng này)

Tương thích tối ưu

■ AF: Ron khuấy dùng cho hóa chất có độ kiềm cao

● VF: Ron khuấy dùng cho acid, dầu, chất kiểm soát mùi và côn trùng

■ K: Acid đặc (> 15%)

■ PVDF: Hóa chất ăn mòn, acid đặc

■ IE: Trộn ngoài bơm

■ V: Độ nhớt cao

■ Ống hút: Ống và sàng lọc chất liệu đặc biệt

Lắp đặt tối ưu

■ Khi lắp bơm DOSATRON vào hệ thống nước nóng (60°C/140°F tối đa.)

■ BP:bypass tích hợp

★Đầu nối khác

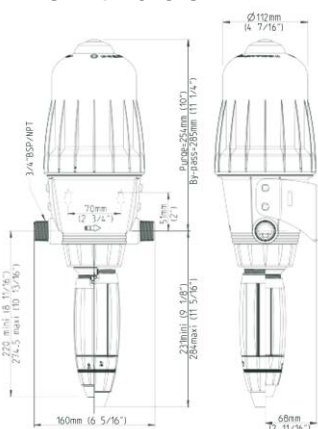
■ Đai

■ Linh kiện khác: liên hệ chúng tôi



Điều chỉnh chính xác tại 1.5 %

Kích thước



REF.

D3RE2VF
07400745

Serial #

MÃ SỐ

TỈ LỆ

ÁP SUẤT

ĐIỀU CHỈNH NGOÀI

D 3 RE / GL / WL 3000	0.03 - 0.3 %	0.3 - 6 bar
D 3 RE / GL / WL 2	0.2 - 2 %	0.3 - 6 bar
D 3 RE / GL 5	0.5 - 5 %	0.3 - 6 bar
D 3 RE / GL 10	1 - 10 %	0.5 - 6 bar
D 3 RE / GL 25*	5 - 25 %	0.5 - 4 bar

* D3 RE 25 - 2 m³/h tối đa

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Tỉ lệ bơm:

0.5 - 3 %
[1 : 200 - 1 : 33]

Lưu lượng nước*:

100 l/h - 4.5 m³/h
[1.66 l/mn - 75 l/mn]
[0.4 US GPM - 20 US GPM]

Áp suất vận hành:

0.5 - 5 bar
[7 PSI - 70 PSI]

Bơm chất đậm đặc:

0.5 l/h - 135 l/h
[0.28 US Fl oz/min - 0.60 US GPM]

*Nếu chất lỏng không phải nước, xin liên hệ chúng tôi

Quy cách đóng gói:

1 bơm Dosatron, 1 giá treo,
1 ống hút 175 cm [69"]
Ø6 X9 mm [1/4" id X 3/8" od],
1 sách hướng dẫn



D 45 RE 3



D 45 RE 3 IE



D 45 RE 3 IE PVDF



D 45 RE 3 PVDF



D 45 RE 8



D 45 RE 8 IE



D 45 RE 8 IE PVDF



D 45 RE 8 PVDF



D 45 RE 15 IE



D 45 RE 15 IE PVDF



D 45 RE 15



D 45 RE 15 PVDF

4.5 m³/h

Vật liệu tiêu chuẩn

Chất liệu : polyacetal, EPDM

Piston mô tơ: polypropylene, polyamide, thép không gỉ, aflas, polyacetal

Khoang bơm: polypropylene, polyethylene, hastelloy (lò xo van chặn)

Ống bơm: PVC

Option kèm theo

(■ : Option ● : Tiêu chuẩn ★ : không có/không cần thiết cho dòng này)

Tương thích tối ưu

● AF: Ron khuyên dùng cho hóa chất có độ kiềm cao

■ VF: Ron khuyên dùng cho hóa chất có tính acid

■ PVDF: Hóa chất ăn mòn, acid đặc

■ H: Giác hút Hastelloy

■ IE: Trộn ngoài bơm

★ V: Độ nhớt cao

■ Ống hút: Ống và sàng lọc chất liệu đặc biệt

Lắp đặt tối ưu

● BP: bypass tích hợp

■ Đầu nối khác

★ Đai

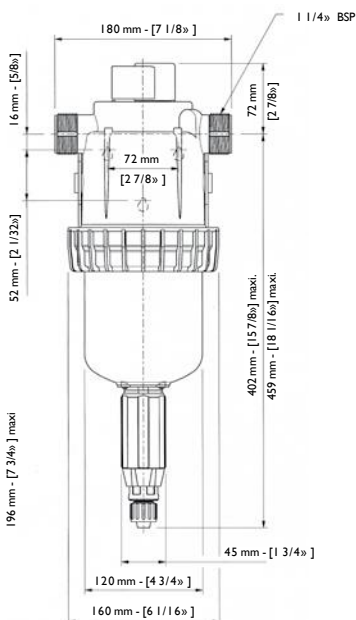
★ Chân trụ đỡ

■ Linh kiện khác: liên hệ chúng tôi



Trộn ngoài bơm cho phép trộn được nhiều loại hóa chất ăn mòn cao

Kích thước



D 45 RE 3000

MÃ SỐ	TỈ LỆ	ÁP SUẤT
ĐIỀU CHỈNH NGOÀI		
D 45 RE 3000	0.033 - 0.1%	0.5 - 5 bar
D 45 RE 1.5*	0.2 - 1.5 %	0.5 - 5 bar
D 45 RE 3*	0.5 - 3 %	0.5 - 5 bar
D 45 RE 8*	3 - 8 %	0.5 - 5 bar

* có trong REIE

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Tỉ lệ bơm:

0.2 - 5 %*
[1 : 500 - 1 : 20]

Lưu lượng nước**:

500 l/h - 8 m³/h
[8.33 l/mn - 133.3 l/mn]
[2.2 US GPM - 40 US GPM]

Áp suất vận hành:

0.15 - 8 bar
[2 PSI - 110 PSI]

Bơm chất đậm đặc:

1 l/h - 160 l/h
[0.56 US Fl oz/min - 0.70 US GPM]

*Tùy từng dòng bơm

** Nếu chất lỏng không phải nước, xin liên hệ chúng tôi

Quy cách đóng gói:

1 bơm Dosatron, 1 giá treo,
1 ống hút, 1 sách hướng dẫn



4 chân + 1 giá đỡ



D 8 RE 2



D 8 GL 2



D 8 RE 5



D 8 RE 5 BP



D 8 RE 3000



D 8 WL 2



D 8 WL 3000



D 8 WL 3000 ACS / NSF



D 8 WL 3000 IE



D 8 WL 3000 IE ACS / NSF



Vật liệu tiêu chuẩn

Chất liệu : polypropylene đặc chế, HT
Piston mô tơ: polyurethane, nylon,
EPDM, polyacetal

Khoang bơm: polypropylene,
polyethylene, hastelloy (lò xo
van chặn)

Ống bơm: PVC hoặc polyethylene

Option kèm theo

(■ : Option ● : Tiêu chuẩn ★ : không
có/không cần thiết cho dòng này)

Tương thích tối ưu

■ AF: Ron khuyên dùng cho hóa chất có
độ kiềm cao

● VF: Ron khuyên dùng cho hóa chất có
tính acid

★ PVDF: Hóa chất ăn mòn, acid đặc

★ H: Giác hút Hastelloy

★ IE: Trộn ngoài bơm

★ V: Độ nhớt cao

■ Ống hút: Ống và sàng lọc chất liệu đặc
biệt

Lắp đặt tối ưu

■ BP: bypass tích hợp

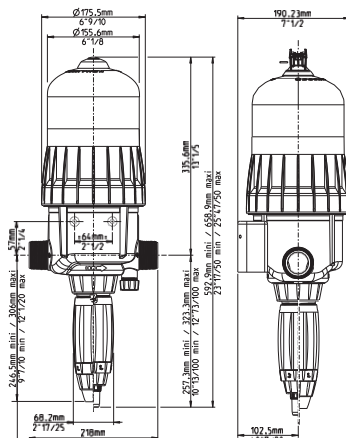
★ Đầu nối khác

★ Đai

■ Chân trụ đỡ

■ Linh kiện khác: liên hệ chúng tôi

Kích thước

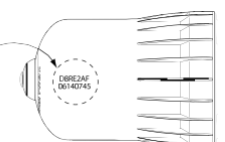


MÃ SỐ	TỈ LỆ	ÁP SUẤT
ĐIỀU CHỈNH NGOÀI		
D 8 RE / GL / WL 2	0.2 - 2%	0.3 - 6 bar
D 8 RE 5	1 - 5%	0.3 - 6 bar
D 8 RE 3000	0.03 - 0.125%	0.3 - 6 bar
D 8 WL 3000	0.03 - 0.125%	0.3 - 6 bar

REF.

D8RE2AF
06140745

N° Série



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Tỉ lệ bơm:

0.2 - 5 %*
[1 : 500 - 1 : 20]

Lưu lượng nước**:

500 l/h - 9 m³/h
[8.33 l/mn - 150 l/mn]
[2.2 US GPM - 40 US GPM]

Áp suất vận hành:

0.15 - 8 bar
[2 PSI - 110 PSI]

Bơm chất đậm đặc:

1 l/h - 180 l/h
[0.56 US Fl oz/min - 0.79 US GPM]

*Tùy từng dòng bơm

** Nếu chất lỏng không phải nước, xin liên hệ chúng tôi

Quy cách đóng gói:

1 bơm Dosatron, 1 giá treo,
1 ống hút, 1 sách hướng dẫn



D 9 AL 2



D 9 AL 5



D 9 GL 2 BP



D 9 GL 5 BP

9
m³/h

Vật liệu tiêu chuẩn

Chất liệu : polypropylene đặc chế, HT
Piston mô tơ: polyurethane, nylon,
EPDM, polyacetal

Khoang bơm: polypropylene,
polyethylene, hastelloy (lò xo
van chặn)

Ống bơm: PVC hoặc polyethylene

Option kèm theo

(■ : Option ● : Tiêu chuẩn ★ : không
có/không cần thiết cho dòng này)

Tương thích tối ưu

- AF: Ron khuyên dùng cho hóa chất có độ kiềm cao
- VF: Ron khuyên dùng cho hóa chất có tính acid
- ★ PVDF: Hóa chất ăn mòn, acid đặc
- ★ H: Giác hút Hastelloy
- ★ IE: Trộn ngoài bơm
- ★ V: Độ nhớt cao
- Ống hút: Ống và sàng lọc chất liệu đặc biệt

Lắp đặt tối ưu

- BP: bypass tích hợp
- ★ Đầu nối khác
- ★ Đai
- Chân trụ đỡ
- Linh kiện khác: liên hệ chúng tôi



4 chân + 1 giá đỡ

MÃ SỐ	TỈ LỆ	ÁP SUẤT
ĐIỀU CHỈNH NGOÀI		
D 9 AL 2	0.2 - 2%	0.3 - 8 bar
D 9 AL 5	0.5 - 5%	0.3 - 8 bar
D 9 GL 2 BP	0.2 - 2%	0.3 - 8 bar
D 9 GL 5 BP	0.5 - 5%	0.3 - 8 bar

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

- Tỷ lệ bơm:
 - 0.2 - 2 %
 - [1 : 500 - 1 : 50]
- Lưu lượng nước*:
 - 1 - 20 m³/h
 - [16.66 - 333.3 l/mn]
 - [5 - 100 US GPM]
- Áp suất vận hành:
 - 0.12 - 10 bar
 - [2 - 120 PSI]
- Bơm chất đậm đặc:
 - 2 - 400 l/h
 - [0.009 - 1.75 US GPM]

* Nếu chất lỏng không phải nước, xin liên hệ chúng tôi

Quy cách đóng gói:

- 1 bơm Dosatron, 1 chân đỡ,
- 1 ống hút 175 cm [69"] Ø6 X 9 mm [1/4" id X 3/8" od],
- 1 sách hướng dẫn



D 20 S / RE 2



D 20 AL 2
(dùng trong chân nuôi)



D 20 WL 2



D 20 GL 2

20

m³/h

Vật liệu tiêu chuẩn

Chất liệu : polypropylene, PVC, nhôm
 Piston mô to: polypropylene, polyamide, PVDM, thép không gỉ
 Khoang bơm: polypropylene, polyethylene, PVC
 Ống bơm: PVC cường lực

Option kèm theo

(■ : Option ● : Tiêu chuẩn ★ : không có/không cần thiết cho dòng này)

Tương thích tối ưu

- AF: Ron khuyên dùng cho hóa chất có độ kiềm cao
- VF: Ron khuyên dùng cho hóa chất có tính acid
- ★ PVDF: Hóa chất ăn mòn, acid đặc
- ★ H: Giác hút Hastelloy
- ★ IE: Trộn ngoài bơm
- ★ V: Độ nhớt cao
- ★ Ống hút: Ống và sàng lọc chất liệu đặc biệt

BSP



NPT



Khóa vít.

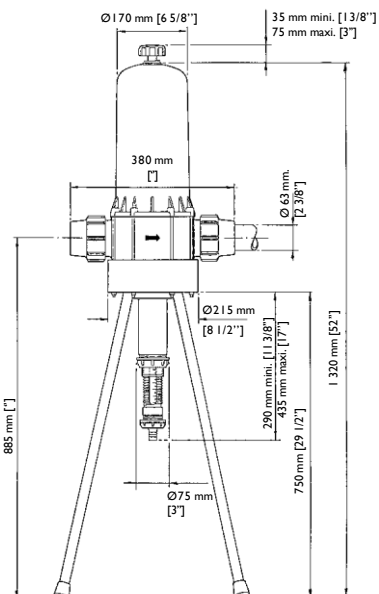
Lắp đặt tối ưu

- BP: bypass tích hợp
- Đầu nối khác
- ★ Đai
- Chân trụ đỡ
- Linh kiện khác: liên hệ chúng tôi



Bypass tích hợp: cho phép bật / tắt việc bơm hóa chất vào nước.

Kích thước



MÃ SỐ	TỈ LỆ	ÁP SUẤT
D 20 AL 2	0.2 - 2 %	0.12 - 10 bar
D 20 GL 2	0.2 - 2 %	0.12 - 10 bar
D 20 WL 2	0.2 - 2 %	0.12 - 10 bar

THÔNG SỐ KỸ THUẬT



Tỉ lệ bơm:
0.02 – 1%*
[1 : 5000 - 1 : 100]

Lưu lượng nước**:
8 m³/h – 30 m³/h
[133.3 l/mn - 500 l/mn]
[40 US GPM - 140 US GPM]

Áp suất vận hành:
0.5 – 6 bar
[7.25 PSI - 87 PSI]

Bơm chất đậm đặc:
1.6 – 300 l/h
[0.9 Fl. oz/min - 1.40 US GPM]

*Tùy từng dòng bơm

** Nếu chất lỏng không phải nước, xin liên hệ chúng tôi

30 m³/h

Vật liệu tiêu chuẩn

Chất liệu : Polypropylene đặc chế, HT
Piston mô tơ: Polypropylene, polyamide, VF hoặc HT, peek, PVDF

Khoang bơm: Polypropylene, polyethylene, hastelloy (lò xo van chặn)

Ống bơm: PVC hoặc polyethylene

Bộ căn chỉnh Dosatron: Polyamide

Vỏ: PMMA - kháng UV

Khoang trộn: Polypropylene

Đầu đo EC: PVC

Ống nối: EPDM

Option kèm theo

(■ : Option ● : Tiêu chuẩn ★ : không có/không cần thiết cho dòng này)

Tương thích tối ưu

- AF: Ron khuyên dùng cho hóa chất có độ kiềm cao
- VF: Ron khuyên dùng cho hóa chất có tính acid
- PVDF: Hóa chất ăn mòn, acid đặc
- H: Giác hút Hastelloy
- ★ IE: Trộn ngoài bơm
- ★ V: Độ nhớt cao
- Ống hút: Ống và sàng lọc chất liệu đặc biệt

Lắp đặt tối ưu

- Đầu đo EC: PVC
- BP: bypass tích hợp
- Đầu nối khác: vành DN80 ISO
- Linh kiện khác: liên hệ chúng tôi



Đầu đo EC



Vành DN80 ISO



D 30 GL 1



D 30 GL 1 EC



D 30 GL 02



D 30 GL 02 EC

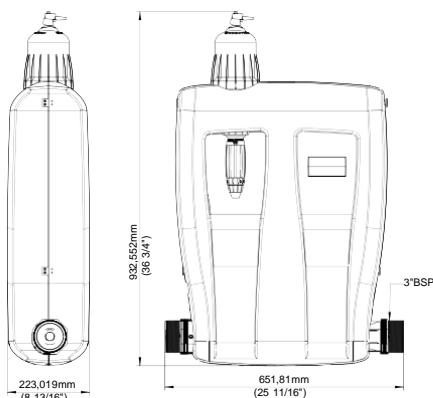


D 30 WL 30000 (IE)



D 30 WL 5000

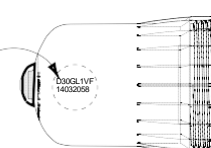
Kích thước



REF.

D30GL1VF
14032058

Serial



MÃ SỐ	TỈ LỆ	ÁP SUẤT
ĐIỀU CHỈNH NGOÀI		
D 30 GL 02	0.02 - 0.2 %	0.5 – 6 bar
D 30 GL 02 EC	0.02 - 0.2 %	0.5 – 6 bar
D 30 GL 1	0.02 - 0.2 %	0.5 – 6 bar
D 30 GL 1 EC	0.02 - 0.2 %	0.5 – 6 bar
D 30 WL 30000	0.003 - 0.03 %	0.5 – 8 bar
D 30 WL 30000 IE	0.003 - 0.03 %	0.5 – 6 bar
D 30 WL 5000	0.02 - 0.2 %	0.5 – 8 bar

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Tỉ lệ bơm:

0.1 - 0.65 %
[1 : 1000 - 1 : 154]

Lưu lượng nước*:

10 m³/h - 60 m³/h **
[166.66 l/mn - 1000 l/mn]
[44 US GPM - 264 US GPM]

Áp suất vận hành***:

0.5 - 10 bar
[7 - 145 PSI]

Bơm chất đậm đặc:

10 l/h - 390 l/h
[0.044 US GPM - 1.72 US GPM]

* Nếu chất lỏng không phải nước, xin liên hệ chúng tôi

** D90 có lưu lượng từ 26 – 90 m³/h

*** D90 có áp suất vận hành tối đa 8 bar



D 60 S

Quy cách đóng gói 1:

1 bơm Dosatron, 1 ống hút trong suốt 180 cm [71"] - Ø20 X27 mm [7/8" id X 1 1/16" od], 1 sách hướng dẫn

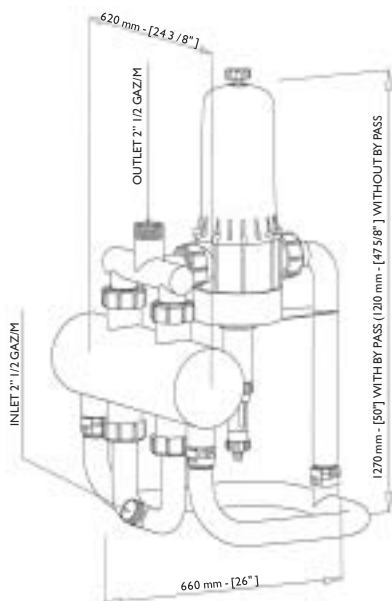
Quy cách đóng gói 2:

1 khối động lực kép, 1 bộ ống nối, 1 tấm căn xoay kèm theo ốc, 1 chìa khóa vạn năng, 1 ống bo góc (đầu vào)



D 90 GL 05

Kích thước



>60
m³/h

Vật liệu tiêu chuẩn

Chất liệu : polypropylene, PVC, nhôm
Piston mô to: polypropylene, polyamide, EPDM, thép không gỉ

Khoang bơm: polypropylene, polyethylene, PVC

Ống bơm: PVC cường lực

Option kèm theo

(■ : Option ● : Tiêu chuẩn ★ : không có/không cần thiết cho dòng này)

Tương thích tối ưu

- ★ AF: Ron khuyến dùng cho hóa chất có độ kiềm cao
- VF: Ron khuyến dùng cho hóa chất có tính acid
- ★ PVDF: Hóa chất ăn mòn, acid đặc
- ★ H: Giác hút Hastelloy
- ★ IE: Trộn ngoài bơm
- ★ V: Độ nhớt cao
- ★ Ống hút: Ống và sàng lọc chất liệu đặc biệt

Lắp đặt tối ưu

- BP: bypass tích hợp
- ★ Đầu nối khác
- ★ Đai
- ★ Chân trụ đỡ
- Linh kiện khác: liên hệ chúng tôi



Bypass tích hợp: cho phép bật / tắt việc bơm hóa chất vào nước.

MÃ SỐ	TỈ LỆ	ÁP SUẤT
ĐIỀU CHỈNH NGOÀI		
D 60 S	0.1-0.65 %	0.5 – 10 bar
D 90 GL 05	0.1-0.5 %	0.5 – 8 bar

Lọc Atlas Filtri



HYDRA RAH 90 mcr lưới thép không gỉ, lọc cặn

- Áp suất hoạt động tối đa : 8 Bar
- Nhiệt độ : 4 - 45 °C
- Không cần thay thế cục lọc
- Tuổi thọ khả dụng : 3 năm
- Bảo trì: mở van bên dưới khoảng 1 lần 1 tháng để trong 1 phút
- Ứng dụng trong nhà
- Lưu lượng tối đa đề nghị : **5000 l/h**



HYDRA DUO RAH 90 mcr. lưới thép không gỉ với khối carbon CB EC 1 mcr.,

- Lọc cặn, loại bỏ nang ấu trùng, chlorine, mùi và vị lạ.
- Không cần thay cục lọc cấp 1.
- Lọc cấp 1 tăng cường hiệu quả cho lọc cấp 2.
- Bảo trì trước khi lọc: mở van bên dưới 1 lần 1 tháng để trong 1 phút
- Bảo trì lọc CB EC: thay lọc 6 tháng 1 lần.
- 2 cấp lọc cho phép khối lọc carbon CB EC vận hành hiệu quả hơn và ít tụt áp suất hơn
- Lưu lượng tối đa đề nghị : **2000 l/h**



DP 10 housing với cục lọc FA 50 mcr.

- Áp suất hoạt động tối đa 8 Bar
- Nhiệt độ 4 - 45 °C
- Lọc cặn (cát, rỉ sét, vụn, sỏi etc.)
- BX kết nối vòng O ring kép, vừa vặn và không có bypass nước chưa lọc
- Bảo trì: thay lọc mỗi 6 tháng.
- Ứng dụng trong nhà
- Ống nối đồng thau 3/4", tin cậy và an toàn
- Lưu lượng tối đa đề nghị: **2000 l/h**



DP 10 DUO housing với cục lọc FA 25 mcr. và AC 0,02 mcr.

- Lọc cặn tốt hơn, kèm với cục lọc AC 0,2 mcr. Giảm thiểu men và vi khuẩn.
- Lưu lượng tối đa đề nghị: **2000 l/h**



RL BX



RL Cartridge: 5/10/25/50 mcr. Thiết kế lọc bền bỉ và vệ sinh được.

AC BX



AC Cartridge: 0,2 mcr Lọc giảm thiểu men và vi khuẩn.



Vỏ lọc mờ cho ứng dụng ngoài trời



DP BIG 20 với CB EC 1 mcr CYST

- DP BIG 20 với CB EC 1 mcr CYST
 - Loại bỏ hợp chất hữu cơ và nang ấu trùng
 - Tấm nhựa nổi dài 1 inch
 - Xử lý dòng chảy lớn
 - Lắp đặt ngoài trời
- Lưu lượng tối đa đề nghị : **5000 l/h**

Loại bỏ độ cứng, sắt và mangan + Option khử trùng UV (lên đến 6 m³/h)



Thiết bị làm mềm nước PEGASUS dùng vật liệu lọc đặc biệt, thích hợp loại bỏ hợp chất hữu cơ tự nhiên, độ cứng, sắt, mangan và ammonia trong khoảng pH rộng và không tạo ra sản phẩm oxy hóa.

Vật liệu lọc có thể xử lý nước với nồng độ sắt và mangan cao, với TDS tối đa 4000 mg/L.



Hệ thống thẩm thấu ngược RO bởi ATLAS FILTRI dùng linh kiện chất lượng cao được thiết kế để đáp ứng nhu cầu mọi khách hàng, trên cơ sở kết quả phân tích nguồn nước; ngoại trừ sản phẩm tiêu chuẩn, ATLAS FILTRI còn đáp ứng được các yêu cầu đặc biệt.

- **Kết quả:** làm sạch nước uống hoặc sản xuất, loại bỏ mùi vị liên quan đến chlorine, thuốc trừ sâu, trừ côn trùng, diệt nấm, kim loại nặng, vi sinh, sụt giảm hàm lượng muối khoáng.

Chú ý: Hệ thống này thích hợp xử lý nước với vài đặc tính lý hóa và vi sinh nhất định, yêu cầu xử lý trước đó. Vì vậy luôn cần có phân tích hoàn chỉnh của nước đầu vào.

Ứng dụng RO 50

Dùng cho phòng thí nghiệm

- 400 l/ngày

- Nước đầu vào

(TDS < 500ppm, 1 NTU tối đa...)

Hệ thống khử trùng Bio-UV



Dòng UV HOME



Dòng IBP +



Dòng DW



Dòng UV HO



Dòng HPDE AM và HO



Hệ thống UV xử lý nước dẫn tàu (ballast water)

Các dòng sản phẩm của Bio-UV

Series*	Lưu lượng tối đa m ³ /h					Công suất W
	16 mJ/cm ² **	30 mJ/cm ²	40 mJ/cm ²	120 mJ/cm ²	240 mJ/cm ²	
UV HOME	5.5 - 23.3	2.9 - 12.4	2.2 - 9.3	-	-	33 - 105
UV	-	7 - 25	-	-	-	33 - 105
UV HO	-	33 - 130	-	-	-	261 - 522
IBP HO +	11.5 - 135	6 - 72	4.6 - 54	2 - 18	2 - 9	87 - 435
IBP AM +	-	-	3.5 - 41	2.5 - 13.5	4 - 7	40 - 360
DW	-	-	30 - 695	10 - 231	5 - 115	240 - 5000
HPDE HO	-	2 - 45	-	-	-	33 - 522
HPDE AM	-	56 - 1185	-	-	-	600 - 9600

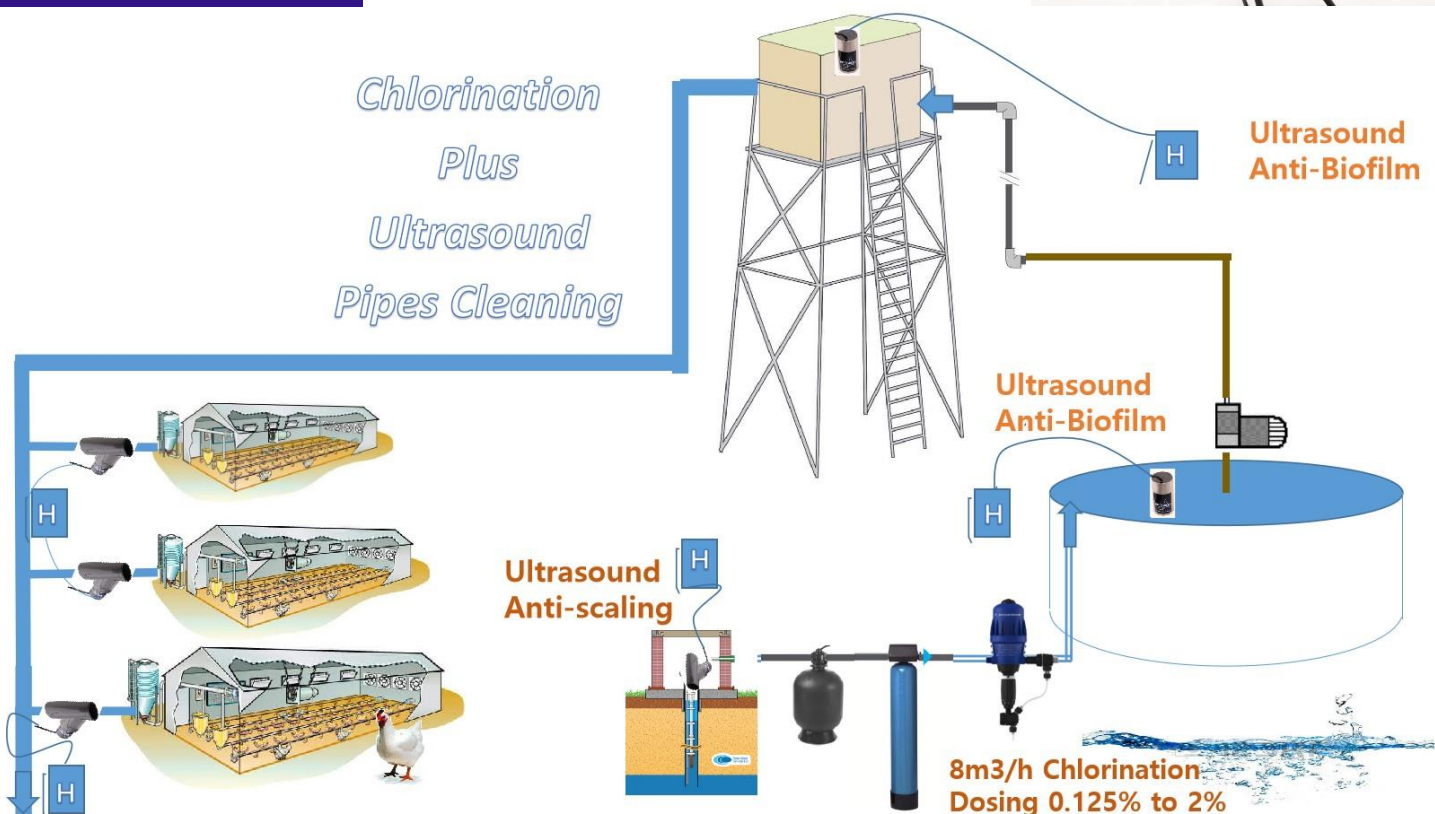
*Toàn bộ sản phẩm của Bio-UV đã được thử nghiệm với chất lượng rất tốt, đạt tiêu chuẩn nước châu Âu NSF/ACS kể cả khi đèn UV đạt >95% tuổi thọ và công suất 98% (riêng dòng HPDE AM được thử nghiệm tại công suất 85%).

**Khuyến cáo: không nên vận hành hệ thống UV ở cường độ UV này, vì sẽ không đủ mạnh để tiêu diệt nhiều loại vi khuẩn, virus, dẫn đến hiệu quả kém hơn.

Ngoài ra, Bio-UV còn có máy khử trùng UV siêu nhỏ với tên thương mại là TAP, có công suất 300 L/h. Loại máy UV này thích hợp cho các hệ thống xử lý nước cỡ siêu nhỏ, hoặc cho các nhà máy, trường học, xưởng làm đá, chế biến thực phẩm cần nước sạch, không bị nhiễm khuẩn.



Tuổi thọ bóng đèn UV cho dòng TAP là 8000 giờ, công suất bóng đèn 10 W.



Một bộ chuyển đổi song âm truyền sóng siêu âm tần số cao được nâng cấp bởi kỹ thuật HS (bằng sáng chế của Harsonic). Harsonic hoạt động theo 5 cấp:

1) Loại bỏ màng bám vi sinh

- Ngăn ngừa màng vi sinh bám bản (rỉ sét, đóng cặn, ...)
- Ngăn ngừa vi khuẩn phát triển

2) Tiêu diệt tảo bằng cách phá hủy không bào

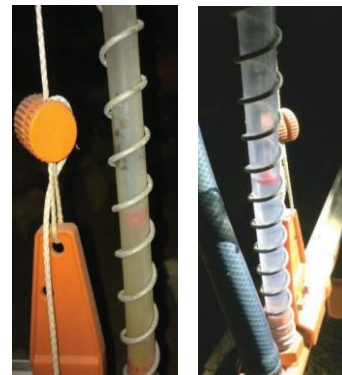
3) Tiêu diệt ấu trùng dưới 10 ngày tuổi

4) Tiêu diệt sinh vật đơn bào = vô hại với sinh vật thủy sinh

5) Giảm màng bám vô cơ từ nước cứng, phèn từ giếng khoan

TRƯỚC

SAU



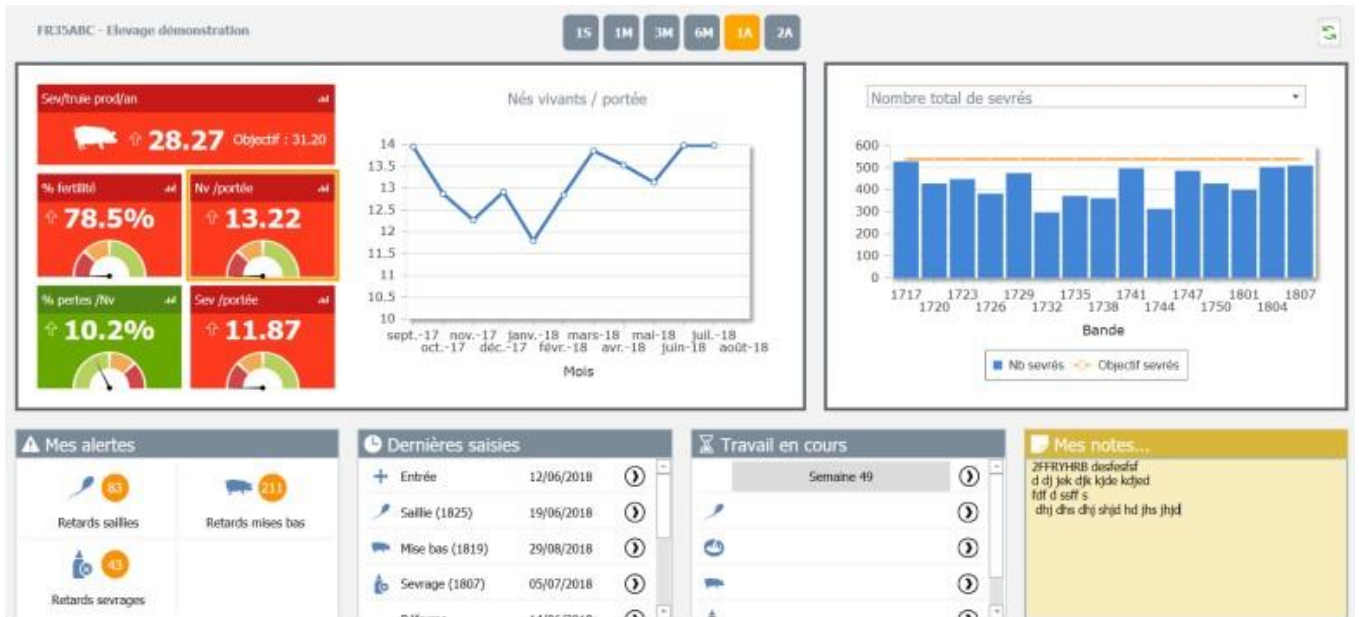
Thông số của các hệ thống Harsonic

To treat PVC tubes		Diameter	Max Length
1TuAgri50	1 electronic box + 1 TD Y50 (5m cable) for PVC tubes	50mm	375 m
2TuAgri50	1 electronic box + 2 TD Y50 (5m cable) for PVC tubes	50mm	800 m
High Power Transducer			
1TuAgri50HP Cages	1 electronic box + 1 TD Y50 (5m cable) for PVC tubes	50mm	700 m
2TuAgri50HP Cages	1 electronic box + 2 TD Y50 (5m cable) for PVC tubes	50mm	1600 m
To treat PVC tubes			
1TuAgri63	1 electronic box + 1 TD Y63 (5m cable) for PVC tubes	63mm	375 m
2TuAgri63	1 electronic box + 2 TD Y63 (5m cable) for PVC tubes	63mm	800 m
To treat tanks			
1TaAgri	1 electronic box + 1 TD63 stainless steel(10mcable)fortanks	63mm	20m3
2TaAgri	1 electronic box + 2 TD63 stainless steel (10m cable) for tanks	63mm	35m3
To treat PVC tubes and Tanks			
2TaTuAgri50	1 electronic box + 1 TD63 st.steel (10m cable) for tank (max 20m3) and		
	1 TD Y50(5mcable)forPVCtubes(max250mt)	50mm	375 m
2TaTuAgri63	1 electronic box + 1 TD63 st.steel (10m cable) for tank (max 20m3) and		
	1 TD Y63(5mcable)forPVCtubesdia63mm(max250mt)	63mm	800 m

- Hệ thống thích hợp mọi loại đường ống nước và chất dinh dưỡng dạng lỏng.
- Ngăn ngừa mảng bám vi sinh.
- Luồn lách đến mọi ngõ ngách mà các dụng cụ vệ sinh khác không tiếp cận được.
- Dễ dàng lắp đặt và bảo trì.
- Giảm, thậm chí loại bỏ hoàn toàn việc sử dụng hóa chất và kháng sinh.
- Tiêu thụ điện năng rất ít.
- Hiệu ứng làm sạch liên tục không ngừng nghỉ.
- Đầu tư ban đầu thấp.

Phần mềm quản lý đàn lợn (heo)

PHẦN MỀM QUẢN LÝ ĐÀN LỢN (HEO) NÁI THẾ HỆ MỚI

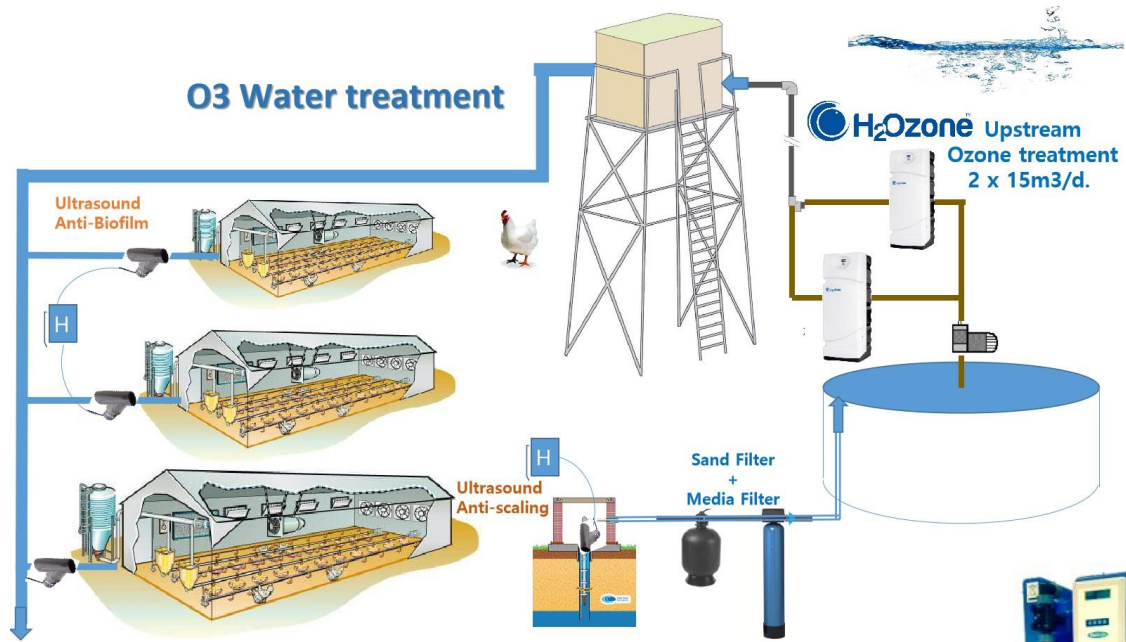


PIG'UP



- Giải pháp quản lý đàn lợn (heo) nái ISAGRI phát triển cho các nhà tích hợp.
- Công nghệ lưu trữ đám mây (bảo mật và an ninh dữ liệu bởi ISAGRI).
- Giải pháp tùy chỉnh cho từng công ty tích hợp.
- Quản lý nhân công tiếp xúc với đàn và chuỗi theo trách nhiệm.
- Độ linh động: tăng năng suất, chất lượng đăng ký, động lực nhân viên.
- Tiêu chuẩn hóa phương thức chăn nuôi cho toàn đội.
- Phát triển đặc thù (trạng thái cá nhân, liên kết với BDDs)

Hệ thống khử trùng H₂Ozone



Nước pha ozone được cấp cho vật nuôi, bất kể chất lượng nguồn nước, sẽ mang lại những lợi ích sau đây:

- Vật nuôi yên tĩnh hơn
- Số lượng chu kỳ thụ thai cao hơn
- Ít bệnh hơn, <3% tỉ lệ tử vong
- Tăng cân tốt, cải thiện FCR, tăng lợi nhuận
- Giảm đáng kể lượng kháng sinh, lợi khuẩn và vacxin tiêu thụ

Nước pha ozone kèm theo hệ thống siêu âm trên đường ống sẽ tăng cường hiệu quả của cả hai. Ozone được đẩy qua những kẽ hở nhỏ hoặc các góc ngách trong ống hoặc tại các điểm nối.

Việc dùng ozone cải thiện đáng kể chất lượng nước, tăng tỉ lệ sinh đẻ, với những lợi thế sau:

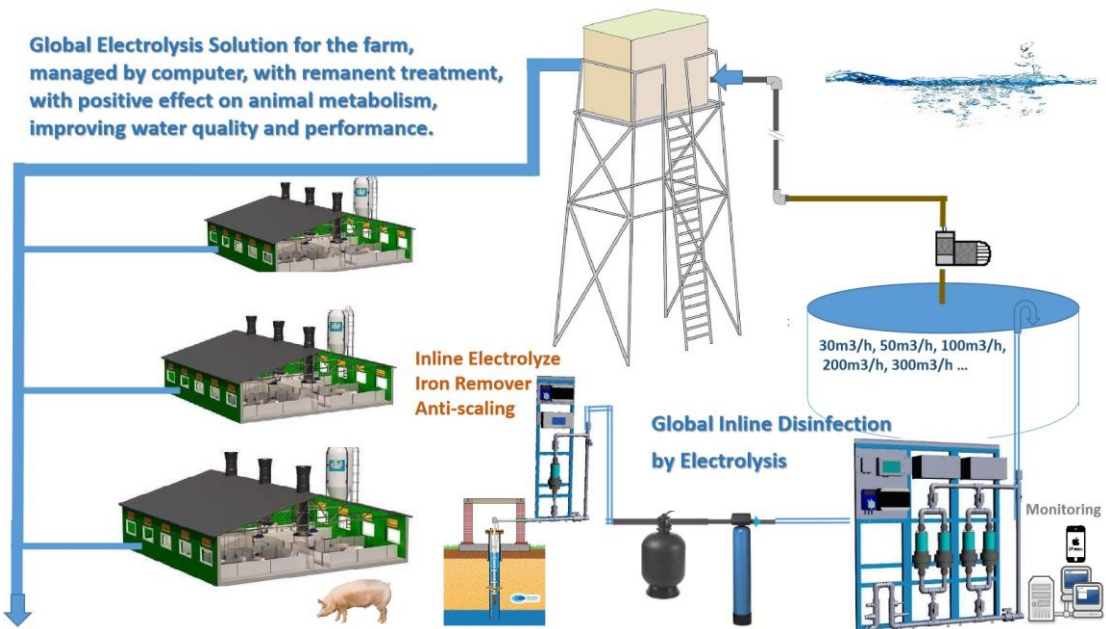
- Hoạt tính sát trùng mạnh hơn 3.125 lần so với clo
- Khử các loại màu, mùi, vị trong nước
- Tiêu diệt các loại vi khuẩn
- Tiêu hủy các chất hữu cơ bằng oxi hóa cực mạnh
- Thân thiện với môi trường
- Tăng lượng nước uống vào
- Không cần lưu trữ hóa chất (ozone được máy tạo ra từ không khí)



Cấu tạo hệ thống

1. Lọc đầu vào
2. Buồng xoắn ốc chiếu UV
3. Máy tạo Ozone
4. Thùng chứa 200L
5. Máy đo ORP
6. Tự động bơm với cảm ứng mức nước
7. Lọc đầu ra
8. Máy tăng áp 4.5b
9. Cấp lại Oxygen
10. Bảng điều khiển kết nối Wi-Fi

Global Electrolysis Solution for the farm, managed by computer, with remanent treatment, with positive effect on animal metabolism, improving water quality and performance.



1 Sốc điện trong đường ống:
Dòng điện truyền trong nước, tạm thời thay đổi pH, làm tê liệt vi khuẩn và virus.

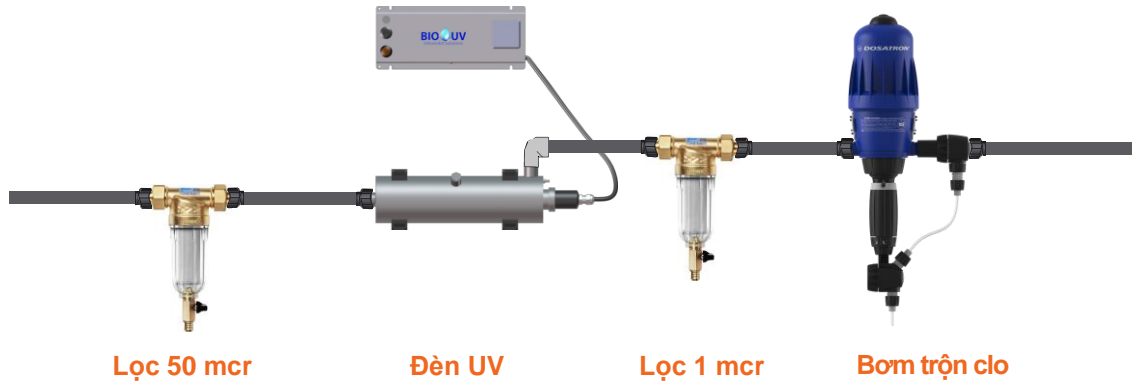
2 Tạo chất oxy hóa:
Phản ứng điện phân tạo ra các chất oxy hóa tự nhiên như oxy già, len lỏi vào trong vi khuẩn, virus và tiêu diệt chúng.

3 Loại bỏ màng bám vi sinh:
Các hợp chất oxy hóa trong nước sẽ tấn công màng bám vi sinh bám trên đường ống. Mỗi lần sử dụng thiết bị sẽ bảo vệ đường ống được trong nhiều ngày.

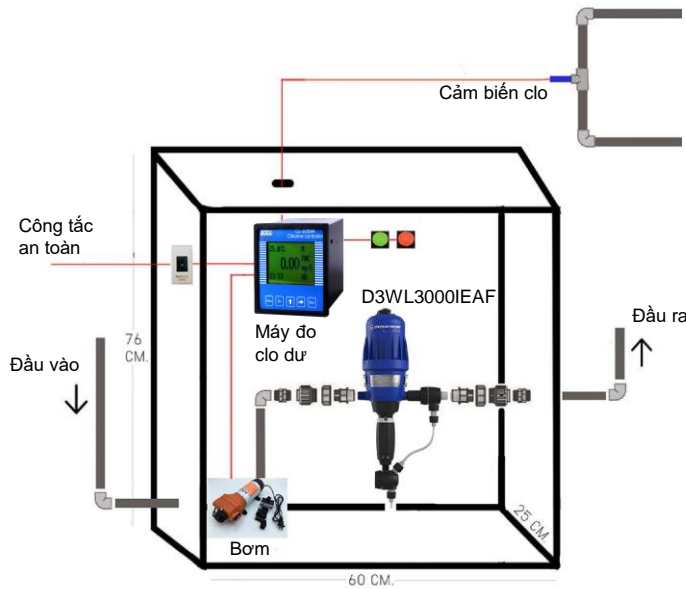
Hệ thống khử trùng điện phân Dunetec

Các hệ thống tích hợp giải pháp

Hệ thống khử trùng UV kết hợp clo (2 – 30 m³/h)



Hệ thống tự động điều chỉnh bơm clo (3 - 30 m³/h)

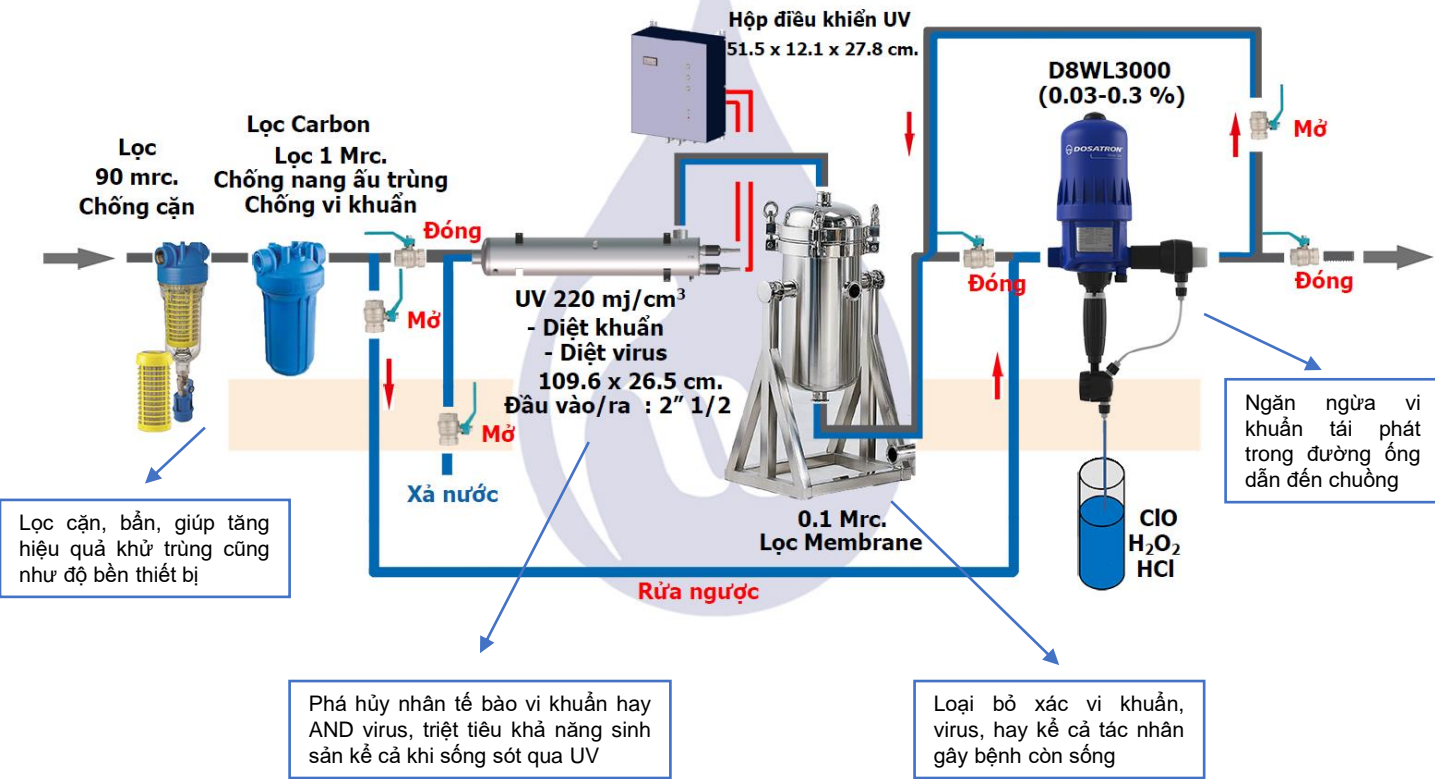


Hệ thống ngăn ngừa mảng bám thành đường ống, làm mềm nước cứng / phèn, và khử trùng nước bằng Ozone và UV (2 – 5 m³/h)



Clearwater UV Kit

HỆ THỐNG NGĂN NGỪA VIRUS TẢ LỢN CHÂU PHI (ASF) 5,000 L/H*



*Có hệ thống lưu lượng 2000 L/h, bơm clo được thay thế bằng D3WL3000

Tình hình dịch tả lợn châu Phi tại Việt Nam

- Dịch tả lợn châu Phi (ASF) bùng phát ở nước ta từ đầu năm 2019.
- Tính đến nay, cả 63/63 tỉnh thành đã ghi nhận bị lây nhiễm.
- 4,4 triệu con lợn đã bị tiêu hủy.
- Thiệt hại lên đến hàng nghìn tỷ đồng, chủ yếu ở các hộ chăn nuôi gia đình nhỏ và vừa, do thiếu đầu tư trang thiết bị xử lý nước và nhân công thiếu đào tạo bài bản để xử lý.

Tổn thất khi có dịch

- Vật nuôi chết vì bệnh, bà con mất trắng.
- Trong thời gian bị bệnh, vật nuôi không tăng trọng được, thậm chí giảm cân, kéo dài thời gian xuất chuồng, giảm lợi nhuận của bà con.
- Tốn thêm chi phí thuốc men, vaccin chữa trị bệnh cho vật nuôi.
- Tốn thêm công chăm sóc vật nuôi.

Vì sao nên xử lý nước uống cho vật nuôi?

- Hầu hết các vi khuẩn, virus gây bệnh cho vật nuôi lây qua đường nước uống, nên nước uống cần được xử lý đầu tiên và triệt để.
- Vật nuôi được phát triển ổn định từ lúc mới sinh đến lúc xuất chuồng, rút ngắn thời gian nuôi, đẩy nhanh xuất chuồng.
- Giảm rủi ro vật nuôi nhiễm bệnh do vi khuẩn, virus thông qua nguồn nước uống.
- Giảm sử dụng thuốc, vaccin cho toàn trại, tiết kiệm kinh tế cho người chăn nuôi.
- Giảm chi phí và thời gian lãng phí của nhân công.
- Xuất chuồng sớm hơn do tăng trưởng ổn định, vật nuôi ít bệnh hơn, làm tăng lợi nhuận của người chăn nuôi.
- Trong trường hợp có dịch bùng nổ do nguồn nước nhiễm bệnh, đàn vật nuôi của trại sẽ được đảm bảo tối đa khả năng miễn nhiễm với dịch bệnh qua nguồn nước, giúp giảm tỉ lệ tử vong.

AUTO-MATE

Đầy đủ cho phối giống

DAMOPIG

Đã tiệt trùng và sử dụng ngay

DAMONA

DAMOGEL

An toàn với tinh lợn (heo)



Sản phẩm đầu tiên trên thị trường giúp đơn giản hóa việc lưu trữ tinh heo



Sử dụng cho nái và hậu bị

Không khí

Đầu bích

Thân

Màng bơm hơi

Đầu cắm

Đầu dò có gel



- Sát trùng: chịu được nước sôi.
- Nhựa của trung tâm Luer-Lock.
- Thiết kế công thái học để giảm sức của người dùng và để hạn chế sự khó chịu của cơ xương. Giảm nguy cơ đau tay khi sử dụng nhiều.
- Điều chỉnh liều nhanh, chính xác bằng cách sử dụng «hệ thống chọn một liều» (cho các mô hình có thể điều chỉnh).
- Bề mặt chống trượt trên tay cầm phía trước.
- Sản xuất theo yêu cầu (vui lòng liên hệ với chúng tôi với số lượng tối thiểu).

ÔNG TIÊM CHÍNH

A Code Plastic	B Code Metal	Model	Capacity	Graduation
186315	186314	Adjustable dose	1 mL	0.1 mL
186323	186322	Adjustable dose	2 mL	0.2 mL
186331	186330	Adjustable dose	5 mL	0.5 mL

- Khóa và lò xo làm bằng thép không gỉ.
- Dễ dàng bôi trơn vòng đệm piston bằng cách tháo nòng.
- Chất liệu y học cao cấp không ảnh hưởng đến dược phẩm.
- Bộ giữ nhiệt ở phía sau để hỗ trợ tốt hơn, dễ dàng xử lý và sử dụng chai nặng (ví dụ 250 và 500 ml). Tính năng sáng tạo này đảm bảo tính linh hoạt và tự do di chuyển.
- Vỏ ngoài bằng nhựa bảo vệ chai, ngăn ngừa nguy cơ vỡ trong quá trình sử dụng.
- Tương thích với hệ thống làm sạch kim Stericap®.



ÔNG TIÊM KÈM ĐẦU NÓI CHAI

génia

Hệ thống tưới nhỏ giọt AAS



Advanced Automation Systems Ltd.



AAS TURBO FLAT
(TFD)

Lưu lượng :
0.8 / 1.3 / 1.6 / 2.0 / 2.4 /
3.8 (l/h)



AAS NANO
FLAT

Lưu lượng :
0.6 / 1.0 / 1.6 / 2.0
(l/h)



AAS CYCLONE PC

Lưu lượng :
1.1 / 1.5 / 2.4 / 3.8 (l/h)



AAS TURBO
COMPACT
ROUND
DRIPPER

Lưu lượng :
2 và 4 (l/h)



Ống nhỏ giọt dạng mỏng



Ống nhỏ giọt dạng tròn



Ống nhỏ giọt tự phân
bổ áp suất



Ngoài ra, Clearwater còn cung cấp trọn gói dây chuyền lắp ráp ống nhỏ giọt AAS. Nhà sản xuất ống nhựa LPDE nào ở Việt Nam có nhu cầu xin liên hệ Clearwater để biết thêm thông tin chi tiết.

CANH TÁC BẰNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI



Vận chuyển lên đến 3600 L/h*

Di động và bền bỉ

5 năm bảo hành

**Ashden
Award
winner
2017**

*cấu hình 120W





CLEARWATER VIETNAM CO., LTD.

...nước sạch mang lại giá trị và sự khỏe mạnh

